

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 14 - 3 - 2018
V/v Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân:

Ông Nguyễn Minh Đức;

Ông Nguyễn Văn Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2017/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1986; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 4, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; địa chỉ nơi ở: Xóm 6, xã C, huyện D, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1979; địa chỉ nơi cư trú: Xóm 4, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Nam Định vào ngày 22/9/2005. Quá trình chung sống chị và anh H xảy ra xô xát, bất đồng về mọi mặt tính cách, lối sống. Do không thể ở được với anh H, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở

từ năm 2009. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xác định cuộc sống vợ chồng không tồn tại, không thể hàn gắn đoàn tụ, chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là: Trần Minh P, sinh ngày 12/8/2006 và Trần Bảo T, sinh ngày 15/11/2008. Hiện cháu P đang ở với anh H, cháu T đang ở với chị. Khi ly hôn chị Ph có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi cháu T, để cháu P cho anh H nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị và anh H không có tài sản chung, không nợ nần liên quan kinh tế với ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn H, anh H đã trình bày với Tòa án các vấn đề nhưng lại không hợp tác ký biên bản và không đến Tòa án tham gia phiên họp, cụ thể anh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ph kết hôn như chị Ph đã trình bày là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn do tính tình không hợp. Sau khi sinh con thứ hai thì năm 2009 chị Ph cố ý bỏ về nhà mẹ đẻ tại Hải Hậu ở, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay chị Ph xin ly hôn, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị Ph đã trình bày. Khi ly hôn anh nhất trí với chị Ph là anh tiếp tục nuôi cháu P, chị Ph tiếp tục nuôi cháu T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương xã A xác định được: Các đương sự trình bày về việc kết hôn, mâu thuẫn, sống ly thân cũng như việc các đương sự trình bày về con chung là đúng. Quan điểm của địa phương cuộc sống hôn nhân giữa chị Ph và anh H thực tế không tồn tại, đề nghị Tòa án giải quyết để chị Ph ly hôn anh H, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết anh H nuôi cháu P, chị Ph nuôi cháu T là phù hợp pháp luật cũng như điều kiện hoàn cảnh thực tế của các đương sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị Ph vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin vắng mặt hợp lệ, anh H đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt anh H.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị Ph và anh H, việc nuôi con chung đề nghị giao cho chị Ph trực tiếp nuôi cháu T, anh H trực tiếp nuôi cháu P,

hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ph vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin vắng mặt hợp lệ. Anh Trần Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị Ph, anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Trần Văn H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, lối sống không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai từ năm 2009 đến nay. Nay chị Ph xin ly hôn, anh H nhất trí nhưng không hợp tác giải quyết. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị Ph và anh H thực tế không tồn tại, hôn nhân đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa chị Ph và anh H theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị Ph và anh H có 02 con chung chưa thành niên là Trần Minh P, sinh ngày 12/8/2006 và Trần Bảo T, sinh ngày 15/11/2008. Chị Ph nhận tiếp tục nuôi cháu T, anh H nhận tiếp tục nuôi cháu P. Bản thân cháu Trần Minh P và cháu Trần Bảo T đều đã trên 07 tuổi, cháu P có nguyện vọng ở với bố, cháu T có nguyện vọng ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyện vọng của các đương sự là phù hợp với thực tế, đúng pháp luật nên sẽ được chấp nhận theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản: Chị Ph, anh H đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Ph và anh Trần Văn H.

2. Về con chung:

Giao chị Nguyễn Thị Ph tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Bảo T, sinh ngày 15/11/2008.

Giao anh Trần Văn H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Minh P, sinh ngày 12/8/2006.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Ph đã nộp theo Biên lai thu số 0000647 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, chị Nguyễn Thị Ph đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph và bị đơn anh Trần Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên